

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày 28/6/2024
“Tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Quốc Phòng, ông Nguyễn Minh Tuấn.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Minh Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Tuấn A, sinh năm 1976;
 - *Bị đơn:* Anh Vũ Đăng K, sinh năm 1980;
 - *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Phan Thị H, sinh năm 1981.
- Đều nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam (Anh Tuấn A, anh K, chị H đều vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Vũ Tuấn A trình bày:

Do có mối quan hệ họ hàng nên anh đã dùng tiền riêng của mình cho cá nhân anh Vũ Đăng K vay tiền và vàng để mục đích chi tiêu cá nhân, như sau: Ngày 16/02/2011 (âm lịch) tức ngày 20/3/2011 (dương lịch) anh cho anh Vũ Đăng K vay 01 cây vàng SJC (tương đương thời điểm đó là 37.160.000 đồng). Ngày 30/3/2011 (âm lịch) tức ngày 02/5/2011 (dương lịch) anh K vay của anh số tiền mặt là 18.000.000 đồng. Khi vay vàng và tiền trên anh Vũ Đăng K là người viết và ký tên vào cuốn sổ của anh để xác nhận số nợ trên. Sau đó cũng trong năm 2011 (không nhớ rõ ngày, tháng), anh K còn vay của anh 06 chỉ vàng 9999 (giữa 2 bên chỉ giao dịch bằng miệng, anh K đã nhận đủ 06 chỉ vàng 9999 từ anh). Khi vay giữa hai bên có thỏa thuận bằng miệng vay bằng vàng thì trả bằng vàng và không thỏa thuận về thời điểm trả nợ. Từ năm 2016 anh đã nhiều lần đòi nợ anh K số tiền và vàng vay trên nhưng anh K không trả, mà cứ khát nợ. Trong năm

2023 (không nhớ thời gian cụ thể) chị Phan Thị H (vợ anh K) đã bốn lần đến nhà trả nợ cho anh xong số tiền 18.000.000 đồng (nhưng hai bên cũng không làm giấy tờ về việc trả nợ trên) và từ đó đến nay anh K không trả nợ anh thêm được số vàng nào cả. Ngày 10/12/2023 anh gửi thông báo về việc kiện đòi tài sản đến anh K để anh K nắm được, với nội dung nếu anh K không trả nợ cho anh thì anh sẽ khởi kiện anh K ra Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam để giải quyết. Anh K đã nhận được thông báo của anh nhưng không có bất cứ phản hồi nào. Nay anh khởi kiện yêu cầu cá nhân anh Vũ Đăng K phải trả lại cho anh một cây vàng SJC tại thời điểm làm đơn khởi kiện (ngày 23/02/2024) có trị giá khoảng 77.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 9999 có trị giá khoảng 39.000.000 đồng (tổng số vàng nợ quy ra tiền Việt Nam đồng trị giá khoảng 116.000.000 đồng) và buộc anh Vũ Đăng K thanh toán tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vũ Đăng K xác nhận: Cá nhân anh có vay 01 cây vàng SJC, số tiền mặt 18.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 9999 dùng để chi tiêu cá nhân vào thời gian như anh Vũ Tuấn A trình bày trên là chính xác, giữa hai bên có thoả thuận miệng vay vàng trả bằng vàng. Do anh Tuấn A đòi nợ nhiều lần nên năm 2023 chị Phan Thị H (vợ anh) đã dón tiền của vợ chồng và trả anh Tuấn A 04 lần và đã trả nợ xong số tiền mặt 18.000.000 đồng. Nay anh còn nợ anh Tuấn A 01 cây vàng SJC và 06 chỉ vàng 9999. Anh đã nhận được thông báo đòi nợ của Tuấn A nhưng do hiện nay anh đang khó khăn về kinh tế, sức khỏe yếu, không đi làm được nên chưa có tiền trả nợ cho anh Tuấn A. Anh xin trả nợ vàng quy ra tiền mặt theo giá bán ra tại cửa hàng vàng tại địa phương và đề nghị không tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị H xác nhận: Chị không biết anh Vũ Đăng K (chồng chị) vay số tiền và vàng của anh Tuấn A như trên từ bao giờ nhưng đến khi anh Tuấn A đến đòi nhiều lần vào năm 2016 chị mới biết có việc vay nợ. Trong năm 2023 chị đã bốn lần đến nhà anh Tuấn A để trả nợ xong số tiền mặt 18.000.000 đồng. Số tiền 18.000.000 đồng chị đem để trả nợ anh Tuấn A là tiền chung của vợ chồng nhưng nay chị không có yêu cầu gì về số tiền chị đã bỏ ra cùng anh K trả nợ anh Tuấn A số tiền mặt 18.000.000 đồng trên. Nay anh Tuấn A yêu cầu anh K trả nợ 01 cây vàng SJC và 06 chỉ vàng 9999 thì đây là nợ riêng của anh K, cá nhân anh K phải chịu trách nhiệm trả cho anh Tuấn A.

Ngày 24/4/2024, anh Vũ Tuấn A rút yêu cầu anh Vũ Đăng K phải trả tiền lãi chậm trả. Ngày 20/6/2024 anh Tuấn Anh có đơn đề nghị yêu cầu anh K phải 01 cây vàng SJC và 06 chỉ vàng 9999 được quy ra thành tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử theo giá vàng tại cửa hàng vàng tại địa phương, ngoài ra anh không có yêu cầu khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92 và Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh

vàng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Tuấn A về việc yêu cầu bị đơn anh Vũ Đăng K phải trả lãi chậm trả.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Tuấn Anh đối với anh Vũ Đăng K: Buộc bị đơn anh Vũ Đăng K phải trả cho nguyên đơn anh Vũ Tuấn A 01 cây vàng SJC, 06 chỉ vàng 9999. Quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 28/6/2024 là 122.280.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị đơn anh Vũ Đăng K phải chịu 6.114.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn anh Vũ Tuấn A số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 2.900.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001060 ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa anh Vũ Tuấn A, anh Vũ Đăng K và chị Phan Thị H đều vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt HĐXX căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Tuấn A, anh K và chị H.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (vàng) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú trên địa bàn thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 [Bộ luật Tố tụng dân sự](#), Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, lời thừa nhận của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tài liệu đương sự xuất trình có căn cứ khẳng định:

Trong năm 2011 và ngày 20/3/2011 (dương lịch) anh Vũ Đăng K vay của anh Vũ Tuấn A tổng số vàng gồm 01 cây vàng SJC, tiền mặt 18.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 9999 để chi tiêu cá nhân. Như vậy, hai bên đã ký kết hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và không có lãi suất (người viết xác nhận nợ, người ký vào bên vay là anh Vũ Đăng K). Việc ký hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên. Mặc dù hai bên không có chốt thời điểm thanh toán nhưng từ năm 2016 anh Tuấn A đã nhiều lần đòi nợ nên đến năm 2023 chị Phan Thị H (là vợ bị đơn Vũ Đăng K đã 04 lần đến nhà anh Vũ Tuấn A để trả nợ xong số tiền vay là 18.000.000 đồng), từ đó đến nay anh Vũ Đăng K không thanh toán thêm được nợ cho anh Vũ Tuấn A nữa. Vì vậy trước

khi anh Vũ Tuấn A khởi kiện ra Toà án có gửi thông báo đòi nợ vào ngày 10/12/2023 cho anh Vũ Đăng K, anh K đã biết việc thông báo này nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán được số nợ trên cho anh Tuấn A nên anh Vũ Tuấn A khởi kiện anh Vũ Đăng K phải trả số vàng đã vay là có căn cứ. Tuy hai bên không có thoả thuận trên giấy tờ về phương thức thanh toán nhưng cả hai bên đều xác nhận thoả thuận bằng miệng vay vàng trả bằng vàng quy ra tiền mặt theo giá vàng bán ra tại thị trường thời điểm trả. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định việc vay vàng, vay tiền giữa các bên là có thật.

Theo quy định tại Điều 471 của **Bộ luật dân sự năm 2005** “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định” và tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng”. Việc vay vàng giữa cá nhân với cá nhân chỉ nhằm mục đích tương trợ giúp đỡ nhau không nhằm mục đích kinh doanh nên không vi phạm điều cấm của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 19 **Nghị định số: 24/2012/NĐ-CP** ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng quy định “Sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán là Hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng”. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Vũ Đăng K có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 01 cây vàng SJC và 06 chỉ vàng 9999 được quy ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó: $7.550.000 \text{ đồng}/01 \text{ chỉ vàng } 9999 \times 06 \text{ chỉ } 9999 = 45.300.000 \text{ đồng}$; 01 cây vàng SJC là 76.980.000 đồng, tổng là 122.280.000 đồng.

[4] Về yêu cầu tiền lãi: Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn có yêu cầu tính lãi chậm trả đối với khoản nợ vàng trên. Tuy nhiên ngày 24/4/2024 nguyên đơn đã rút yêu cầu về việc tính lãi chậm trả đối với khoản nợ vàng trên và không yêu cầu Toà án giải quyết về lãi. Xét yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Tuấn A là phù hợp với quy định của pháp luật và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm trả.

[5] Mặc dù anh Vũ Đăng K và chị Phan Thị H đăng ký kết hôn năm 1999 và trong năm 2011 anh Vũ Đăng K có vay của anh Vũ Tuấn A 01 cây vàng SJC, tiền mặt 18.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 9999 để chi tiêu cá nhân nên xác định đây là khoản nợ riêng của anh Vũ Đăng K, không phải là khoản nợ chung của vợ chồng anh K, chị H, điều này cũng được nguyên đơn anh Vũ Tuấn A thể hiện rõ ở yêu cầu khởi kiện anh chỉ đòi nợ cá nhân anh K. Trong năm 2023 chị Phan Thị H có dùng tiền chung của hai vợ chồng để trả nợ tiền mặt là 18.000.000 đồng cho anh Tuấn A nhưng chị H xác nhận đó là khoản nợ riêng của cá nhân anh K nên anh K phải có trách nhiệm trả nợ cho anh Tuấn A và chị không có yêu cầu gì về số tiền mặt mình bỏ ra để trả nợ của anh K nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn anh Vũ Đăng K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.114.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92 và Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471; khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 357; khoản 2 Điều 468 [Bộ luật Dân sự năm 2015](#).

- Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Tuấn A về việc yêu cầu bị đơn anh Vũ Đăng K phải trả lãi chậm trả.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Tuấn A đối với anh Vũ Đăng K: Buộc bị đơn anh Vũ Đăng K phải trả cho nguyên đơn anh Vũ Tuấn A số nợ vàng vay là 01 cây vàng SJC, 06 chỉ vàng 9999. Quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 28/6/2024 là 7.550.000 đồng/01 chỉ vàng 9999 x 06 chỉ 9999 = 45.300.000 đồng; 01 cây vàng SJC là 76.980.000 đồng, tổng là 122.280.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Bị đơn anh Vũ Đăng K phải chịu 6.114.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn anh Vũ Tuấn A số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 2.900.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001060 ngày 01 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

4. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND thị xã Duy Tiên.
- Chi cục THA thị xã Duy Tiên.;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tươi